

Mệnh Số và Tình Người

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Năm năm 1975. “Thành phố lều” trong trại Orote Point trên đảo Guam, điểm cực tây của lãnh thổ Hoa Kỳ, là trại tạm cư do Lục quân Hoa Kỳ điều hành. Một tháng trước, vợ chồng tôi và các em từ biệt cha mẹ, bỏ lại sau lưng thành phố đầy kỷ niệm, và khởi đầu cuộc đời lều bều vô định.

Lúc nhập trại, chúng tôi được chỉ định ở một căn lều nhà binh ở Khu 5, khu xa nhất, nằm gần bìa rừng cách bộ chỉ huy khoảng năm cây số. Khi có người chuyển trại để lều trống, người ở khu xa thường dọn về gần phía bộ chỉ huy để ban ngày nghe rõ thông báo và nhận tin trên *hệ thống truyền thanh chỗ đông*, và ban đêm tiện tụ tập ở “Ngã Năm Quốc tế,” tên đặt cho khoảnh đất tráng nhựa có trụ đèn cao sáng trưng nằm ngay trung tâm trại và nơi năm con đường chính tụ về. Gặp gỡ người quen ở đó, trao đổi tin đồn, và cùng nhau đoán mò những gì sẽ xảy ra cho mình là sinh hoạt về đêm ở Orote Point.

Tôi thích vắng vẻ, ngại bon chen, và lười “dọn nhà” nên vẫn một mình một cối trong căn lều đầu tiên. Tài sản của chúng tôi mỗi đứa vồn vện một chiếc xách tay nhỏ đựng một bộ áo quần và giấy tờ tùy thân, nếu không kể những xấp giấy bạc năm trăm đồng có in hình Đức Trần Hưng Đạo, một tài sản kích xù nay là mớ giấy vô giá trị. Trong hồ tiêu công cộng, tôi thấy những tờ bạc này được dùng làm giấy vệ sinh.

Châu, vợ tôi, và Bình, cô em gái duy nhất trong gia đình, đồng ý về quyết định không dọn sang khu đông người, nhưng lý do thì khác hẳn. Khu 5 vắng người, đàn bà đi tắm không sợ bị mấy tên lao công Phi luật Tân nhòm nhỡ. Có nhiệm vụ dọn dẹp và đổ rác, nhắm vào các khu đông người, chiều chiều mấy tên này ngồi trên băng ghế cao sau xe vận tải nhẹ chạy vòng quanh phòng tắm lộ thiên phụ nữ, tha hồ nhìn ngắm mà không sợ bị khiêu nại kêu ca.

Sáng hôm ấy, lười biếng nằm trên giường bố, tôi bảo Sang, em trai kế, đưa hai em út là Lâm (16 tuổi) và Trọng (14 tuổi) ra nhà bàn sắp hàng ăn sáng. Sang là cựu sĩ quan pháo binh đóng đồn ở Phan Thiết, đã phải dẫn binh sĩ thuộc quyền băng rừng di tản về Sài Gòn khi Phan Thiết thất thủ. Không bao lâu Sang hốt ha hốt hải chạy về,

“Lên bộ chỉ huy nhanh lên, loa phóng thanh gọi tên anh ầm ỹ đó.”

“Thật không?”

“Chị Châu và con Bình nghe thấy, bảo em chạy về trước báo cho anh hay.”

“Anh chưa đi sao?” Châu về tới lều, thở không ra hơi.

“Anh đang sửa soạn...” tôi nhảy ra khỏi giường bố.

Tôi cố nghĩ người ta gọi tôi làm gì. Vào trại hơn hai tuần, tôi gửi ra ngoài gần hai chục lá thư. Hồng Thập tự phát cho một tờ giấy và một phong bì nhỏ; viết thư đề bì xong mới phát thêm giấy và phong bì khác. Người ta nhận thư gửi đi giùm, nhưng báo trước là không nhận thư đến. Như vậy, các bạn tôi từ Âu sang Á đều biết tôi đang ăn chực nằm chờ trong trại tạm cư này. Và

Triết, em trai kế Sang rời Sài Gòn du học năm 1972 và đang học năm thứ ba ngành kỹ sư hóa học ở Houston, Texas, đã biết cha mẹ kẹt lại Sài Gòn. Ngày trước giữ chức vụ quan trọng ở miền Duyên hải, có lẽ cha đã bị Việt cộng bắt giam và tra tấn, hay đã bị sát hại không chừng.

Ngày sau hôm nhập trại, chúng tôi được tin tàu Đông Sơn, chiếc tàu chở thuê hàng hóa ra Trung do mẹ làm chủ, chở người di tản cập bến Orote Point. Chúng tôi nhảy cẫng lên mừng rỡ; *Đông Sơn* đến nơi có nghĩa là gia đình sắp đoàn tụ! Chúng tôi chờ dưới bến hơn một tiếng đồng hồ, gia đình cuối cùng đã xuống tàu mà không thấy bóng dáng cha mẹ đâu.

Từ đó, chúng tôi mở “chiến dịch” tìm cha mẹ, hàng ngày viết mẫu nhắn tin nhờ đọc trên *hệ thống truyền thanh chỗ đông*,

“Ông bà Nguyễn văn Thông nếu đi được xin liên lạc với con là ... tại Lều số ..., Khu 5. Ai biết được tin tức ông bà Thông xin làm ơn cho biết, chúng tôi vô cùng biết ơn.”

Ngoài những chiếc lều nhà binh cỡ lớn làm nhà tạm cho dân tỵ nạn, mọi kiến trúc trong “thành phố lều” được xây cất cấp thời bằng gỗ, thứ gỗ mới cưa ra, không sơn phết hay đánh *vec-ni*. Ở những nơi có người qua lại, trên mọi chỗ trống tìm thấy trên mặt gỗ mới, người ta thi nhau dùng bút nguyên tử viết các dòng chữ nhắn tin tìm thân nhân.

Nhờ cả hai kiểu nhắn tin, tôi gặp lại nhiều bạn bè quen biết. Đặc biệt nhất là anh Hán, người anh đỡ đầu đã giới thiệu, hướng dẫn, và nâng đỡ thời tôi là sinh viên tập tễnh đi dạy trung học tư. Anh Hán độc thân ở cùng lều với gia đình cô em gái, nhưng buổi chiều thường cùng anh em tôi ra bãi Orote Point xem biển và nhìn thanh niên nam nữ (có tiền đô la) tắm biển vui chơi.

Một hôm anh Hán gặp lại người bạn thân dạy học ở Sài Gòn đang cùng gia đình tắm biển. Mua kem và thức uống giải khát cho con, người bạn đãi anh một lon *root beer*; anh nhấp nhấp vờ uống rồi mang về cho anh em tôi. Nghe nói “bia” tôi nghĩ đến mùi men rượu nhẹ nhẹ và vị hoa hốt bổ đắng đắng của bia “33” (chai bia lùn) quen thuộc, uống ngay một ngụm rồi nhăn mặt,

“‘Bia’ gì mà dở ẹt như xá xị ‘Con Cọp’ bên mình?”

*“Xá xị thật mà! Tớ tưởng cậu giỏi tiếng Anh tiếng U thừa biết *root beer* là gì chứ,”* anh Hán đùa, nhưng tôi then tai nóng bừng.

“Chê thì để đó cho tụi em, chớ phí của trời,” Châu giật lấy lon nước ngọt chia cho Bình và hai em nhỏ nhất, mỗi người được hai ngụm nhỏ. Lon nước ngọt đầu tiên trên đất Mỹ chia cho sáu người uống!

* * *

“Trình diện” ở bộ chỉ huy, tôi được đưa vào một văn phòng nhỏ của Hồng Thập tự; ống nói điện thoại đã được nhắc ra nằm chờ trên bàn. Tôi cầm lên trả lời bằng tiếng Anh,

“Alô, tôi nghe...”

“Leon đây em. Chúc mừng em thoát khỏi Việt nam, và chào mừng em đến Hoa kỳ,” giọng nói quen thuộc của Leon mang lại cho tôi một luồng sinh khí mới.

“Anh đang ở đâu mà gọi tôi?”

“Tôi ở Sapporo, tìm cách gọi cho em hai ngày nay.”

Leon quê ở miền bắc California, trước phục vụ đoàn *Thanh niên Chí nguyện Quốc tế* tại Việt nam. Anh học tiếng Việt hai năm với tôi lúc “ông thầy” là cậu học sinh trung học. Anh lớn hơn bảy tuổi và xem tôi như em ruột. Về nước, anh đi học lại lấy bằng tiến sĩ ở *Đại học California Berkeley* và sang dạy học ở *Đại học Sapporo* ở miền bắc nước Nhật. Tôi ghen ngào,

“Thật không ngờ. Ngày đó có bao giờ tôi nghĩ sẽ gặp lại anh ở ngoài Việt nam đâu!”

“Qua thư em tôi đọc được những buồn bã, uất ức, và lo âu. Em cần hăng hái lên!”

“Tôi là kẻ vô gia cư, vô nghề nghiệp, vô tổ quốc; một tên vô dụng ngày hai buổi xếp hàng xin cơm bố thí của lính Mỹ.”

“Em đã may mắn không kẹt lại sống với Cộng sản. Hôm kia Song bạn em từ Tokyo điện thoại cho tôi,” anh đổi đề tài.

Song là bạn thân thuở học kỹ sư; Song học Công chánh, tôi bên Điện. Ở trọ nhà bà cô Song, tôi được bố Song mướn tài nhờ dạy kèm mấy đứa em chàng. Ông cụ, một nhà giáo đức độ và nhà soạn sách giáo khoa nổi tiếng, xem tôi như người nhà; mỗi dịp giỗ tết trong gia đình đều mời tới, ngay cả sau khi Song tốt nghiệp và đi du học tại *Đại học Hoàng gia Nhật* ở Tokyo. Ngày Sài gòn, Song đi chơi với tôi và Leon vài lần nên hai người quen nhau. Tôi thấy có điều khác lạ,

“Song nói với anh điều gì không?”

“Tin mừng vô cùng,” Leon ngập ngừng.

“Anh nói đi,” tôi hồi hộp.

“Song nhờ tôi báo cha mẹ em đã đi được sang Hong Kong.”

“Thật không?” tôi ngạc nhiên tột cùng, suýt buông ống nghe.

“Họ đang ở trại tỵ nạn Kowloon, tức là Cửu Long. Em yên chí đi, ngày đoàn tụ với cha mẹ gần kề.”

Theo lời kể của Song, sáng ngày 30 tháng Tư, ông bà cụ Song – người Bắc di cư năm 1954 giống như gia đình tôi – thấy tình thế tuyệt vọng khi vị tổng thống lâm thời tuyên bố đầu hàng. Ông bà cụ dắt nhau ra bến tàu Sài gòn và leo lên chiếc tàu duy nhất còn lại trong hải cảng là tàu chở hàng *Viễn Đông* cùng với hàng ngàn người khác đứng ngồi chật như nêm. *Viễn Đông* nhổ neo rời bến lúc một giờ chiều, gặp trục trặc máy móc nhưng cũng ra được hải phận và nhắm hướng Hong Kong trực chỉ.

Ông bà cụ Song nghe tin cha mẹ tôi đi trên tàu *Viễn Đông* và nghe nói cha tôi bị khủng hoảng tinh thần, chửi bới lung tung, và mở toang xách tay hành lý cho mọi người thấy không hề mang theo vàng bạc hay tiền đô la. Cha muốn chứng tỏ mình trong sạch, bao nhiêu năm giữ nhiều chức vụ trọng yếu mà vẫn trắng tay, và tránh sự dòm giở của các phần tử bất hảo trên tàu. Tàu ra biển được một ngày thì có tin cha nhảy xuống biển tự tử. Trước sự phản đối của nhiều người, vị thuyền trưởng quyết định quay tàu trở lại vớt người đàn ông xấu số, và người này – may thay – không phải là cha tôi. Hành động can đảm và nhân đạo của thuyền trưởng đã dập tắt ngọn lửa hỗn loạn bùng lên trong cơn đói khát, khổ đau, và tuyệt vọng của hơn bốn ngàn người vừa lìa bỏ quê hương.

Viễn Đông là nhóm người tỵ nạn đầu tiên được chấp nhận vào Hong Kong. Ông bà cụ Song viết thư cho chàng, báo tin đã đến Hong Kong, và kể tin tức cha mẹ tôi. Song đã nhận được thư tôi gửi từ Orote Point, nhưng không có cách nào để báo tin nên điện thoại cho em Triết ở Houston,

dù điện thoại viễn liên quốc tế rất đắt. May thay, em Triết có sẵn địa chỉ và số điện thoại của Leon tôi gửi sang trong những ngày chuẩn bị di tản ở Sài Gòn, nhờ đó Song liên lạc với Leon. Cuối cùng, nhờ các mối quen biết thời làm *Thanh niên Chí nguyện Quốc tế*, Leon lòng kiếm được tôi.

Nhiệm vụ báo tin xong xuôi, Leon khuyên lơn,

“Tôi biết em đủ khả năng và nghị lực để vượt qua mọi khó khăn trên đời này.”

“Cám ơn anh Leon. Hy vọng mình sớm gặp lại,” tôi từ giã, chấm dứt cuộc điện đàm viễn liên đầu tiên trong đời,

“Khi em vào đất liền tôi sẽ bay về ngay,” Leon bịn rịn.

Ra khỏi bộ chỉ huy tôi chạy như bay về lều, vừa chạy vừa la lớn như thẳng điện,

“Cám ơn Trời Phật! Cám ơn Trời Phật!”

Trên khoảng đường năm cây số, những diễn biến đổi đời trong tháng qua hiện ra trong trí.

Như do duyên tiền định, chiều 29 tháng Tư sáu đưa chúng tôi lọt lên chiến hạm *HQ-402 Lam Giang* cùng với khoảng hai ngàn người khác, phần lớn là gia đình và thân nhân của quân nhân hải quân. *HQ-402* nhổ neo rời bến khoảng nửa đêm, tắt đèn chạy trong bóng tối ra cửa Soài Rạp, thay vì cửa Nhà bè là con đường tàu bè hải quân thường đi lại. Đường ra cửa Soài Rạp nguy hiểm hơn vì sông quanh co và lòng sông hay bị ngư dân đóng đáy (lưới giăng ngang sông, giữa có cái đụt to, để bắt cá) nhưng tạo yếu tố bất ngờ đỡ lo bị Việt Cộng phục kích trên bờ bắn xuống.

Tàu cán đáy và thiệt hại nhẹ nên khi ra đến hải phận phải chạy chậm lại, lết đệt đi sau cùng đoàn tàu hải quân gồm trên một trăm chiến hạm và chiến đỉnh (như các duyên tốc đỉnh, gọi tắt là PCF) đến tập trung ở vùng Côn Sơn rồi được Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ hướng dẫn sang Subic Bay ở Phi Luật Tân.

Tàu Đệ thất Hạm đội vài ba ngày ghé lại tiếp tế – nước uống hôi mùi dầu mà đầy đủ, nhưng thực phẩm là *khẩu phần C*, thức ăn khô trong hộp của quân đội Hoa Kỳ, ít ỏi nên ít khi đến tay chúng tôi là thường dân không quen biết ai. *HQ-402* đến nơi sau mười hai ngày ròng rã.

Trước khi vào hải cảng, tàu được lệnh giải giới và mọi súng ống cá nhân đều phải liệng xuống biển. Tôi chứng kiến nét mặt buồn mênh mang của các chiến sĩ hải quân khi giã từ vũ khí thân yêu – “súng là vợ, đạn là con” – mà thấm thía nỗi tủi nhục của kẻ thất trận vong quốc.

Không như những đợt người tỵ nạn trước, chính phủ Phi Luật Tân không cho phép đám người trên tàu đặt chân lên đất Phi nên chúng tôi được chuyển ngay sang tàu *Sóng Xanh*, một chiếc tàu chở hàng hóa Hoa Kỳ cỡ lớn. Từ *HQ-402* xuống, đi chừng mười thước theo một lối đi hẹp dọc theo mé nước có vạch sơn không được bước lấn qua, và được đốc thúc lên *Sóng Xanh* thật nhanh, kể như chúng tôi không hề xâm phạm biên giới Phi. Tôi buột miệng chửi trống,

“Tổ cha bọn Phi hèn nhát mọi rợ, sợ thẳng Việt cộng sấn đả ra quần.”

“Giáo sư ăn nói như vậy đó! Không sợ người ta cười thầy giáo ‘mất dạy’ sao?” Châu, vợ tôi, dùng khuỷu tay huých nhẹ.

“Bọn Phi chó má chèn ép người ngã ngựa, không đáng chửi sao?”

“Hèn thì đành rồi, nhưng tại sao là ‘mọi rợ’?” Bình, cô em gái, cười khúc khích.

“Đầu thế kỷ 16, nước mình có vua chúa, triều đình, và xã hội có kỷ cương thì nó còn ăn lông ở lỗ, đớp thịt người như máy. Ferdinand Magellan, nhà thám hiểm đầu tiên đi vòng quanh quả đất, ngang qua vùng đảo mắc dịch này bị bọn nó giết thịt. Không nhớ sao?”

Trời sẩm tối khi chúng tôi lên một căn phòng khá rộng, đèn điện mờ mờ. Một anh lính Mỹ trẻ bung ra một thùng cam lớn, không biết làm sao phân phát cho đám đông đói khát nhìn hau háu nên để thùng cam ở góc phòng rồi rút lui. Đám người tỵ nạn nhào lại, mạnh ai nấy giành những quả cam vàng tươi. Tôi đói nhưng vẫn đứng yên, tự nhủ giấy rách phải giữ lấy lề, kẻ sĩ thà chết chứ không chịu nhục, và mình là giáo sư sao lại đi giành giật

Miếng ăn là miếng tòi tàn,

Mất đi một miếng lợn gan lên đầu.

Nhưng khi chỉ còn hai quả cam lăn lóc trên sàn, con thú đói bất thần nổi dậy. Tôi nhảy tới chụp một quả và cảm thấy cạnh mình có người đang chụp quả thứ hai. Ngoảnh mặt sang, hai đôi mắt nhìn nhau ngớ ngàng – tôi và anh Dương, giám đốc một trường chuyên nghiệp của Đại học Kỹ thuật. Không quen thân nhưng tôi hằng kính nể anh, nhà quản trị đứng đắn và vị giáo sư nghiêm túc. Đó là lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy nhau!

Tôi thần thờ nhìn quả cam trên tay và chiếc thùng các-tông in hàng chữ lớn “*Navel Oranges from Florida*” (“*Cam Rốn từ Florida*”). Xoay quả cam nhìn vào đáy, à ra thế, hình thù giống như chiếc rốn trẻ em nên gọi là “navel orange.” Vậy mà mấy năm nay tôi thắc mắc không hiểu là loại cam gì, có khi ngờ sách in sai từ chữ đồng âm “*naval*” (thuộc về hải quân).

Khoảng nửa đêm, tôi ngồi dựa tường ngủ gà ngủ gật thì Sang, em trai kế, gọi giật dậy,

“Anh dậy mau. Bác Cẩn kia!”

“Ở đâu?” tôi vọt dậy.

Bác Cẩn là bạn thân của cha từ thuở để chỏm ngoài quê Quảng Bình. Tôi biết bác từ năm lên sáu, bác và cha là sĩ quan cấp úy đóng ở đồn An Hòa gần Huế, và tôi thường bị mẹ bắt đứng hầu để cha sai vặt khi hai người uống bia “*La Rue*” (chai bia cao) với mực khô nướng. Cũng như cha, theo thời gian bác lên chức và giữ nhiều chức vụ quân sự quan trọng. Có khác là mấy năm sau này cha về Sài Gòn nghỉ hưu thì bác thăng tiến như điều gặp gió, được bổ nhiệm làm thứ trưởng một bộ chủ chốt của chính phủ. Có lẽ vì trông cậy vào bác mà cha đã từ chối không đi tàu hải quân với chúng tôi.

Thân hình cao lớn dềnh dàng, mặc quân phục cổ áo gắn hai ngôi sao bạc, bác cùng bác gái và hai cô con gái út mười lăm và mười bảy tuổi khệ nệ khiêng chiếc rương nặng bước vào. Bác nắm tay tôi, giọng trầm buồn đầy nước mắt,

“Ba con kẹt lại rồi. Ngày cuối ba gọi điện thoại cho bác, nhưng bác bó tay không có cách nào giúp ba.”

“Lúc tụi con ra đi, cha quyết định ở lại, nói là quá phiêu lưu và nguy hiểm. Vả lại cha nghĩ là miền Nam không thể một sớm một chiều mà mất,” tôi than thở.

Bác nhắc lại mối liên hệ giữa bác và tôi rồi khen,

“Bác luôn luôn ước ao có đứa con trai thông minh và học giỏi như con.”

“Bác quá khen. Đạo gần đây con bận rộn quá nên ít khi đến thăm bác.”

“Bây giờ ra khỏi nước, bác giống như cha và sẽ thay thế ba con. Bác cháu mình cần chung lưng góp sức, nương tựa vào nhau, và sống chết cùng nhau trong một gia đình. Con thấy sao?”

“Bác có lòng như vậy thật quý hóa, con còn mong ước gì hơn!” tôi cảm động.

Trang bị qua loa để chở gần sáu ngàn người tỵ nạn, *Sóng Xanh* rời Subic Bay đi đảo Guam khuya đêm đó. Sự chuẩn bị cấp bách hiện rõ qua các cầu tiêu lộ thiên bằng gỗ như cái khung sơ sài nhô hẳn ra ngoài mạn tàu. Từ mạn tàu cách mặt nước hơn ba chục thước nhìn xuống sâu thăm thẳm, bạo gan cách mấy cũng không dám ngồi trên chiếc cầu tiêu “dã chiến” chỉ có hai thanh gỗ ngang làm tay vịn; loạng quạng rớt xuống nước là toi đời! Và ai dám ngồi “làm chuyện ấy” trước mặt hàng ngàn người khác? Cũng may, tàu đông người mà thiếu thức ăn nên tôi không nghe nói ai cần dùng đến tiện nghi vựng liệu (nhưng với chủ ý tốt) này.

Sau hơn hai ngày, *Sóng Xanh* tiến gần hải cảng Guam khi bình minh đang lên trên mặt đại dương. Mặt trời ló lên ở cuối chân trời, chiếu ánh nắng ban mai lên những hòn đảo chung quanh tạo thành một dãy trường thành sáng rỡ. Tôi cùng Châu và các em lên *boong*, dựa mạn tàu mê mẩn thưởng thức bức tranh cảnh tuyệt vời.

Lúc chúng tôi trở lại chỗ cũ để lấy hành lý chuẩn bị xuống tàu, bác Cẩn và gia đình đã ra đi từ lúc nào. Tôi gượng gạo,

“Có lẽ bác được bộ chỉ huy tàu ưu tiên tiếp đón nên không có thì giờ từ giã.”

“Ông ta vờ kết thân để anh em mình giúp bảo vệ rương vàng. Tốt lành gì mà bác với cháu!” Sang hậm hực.

“Lời nói không mất tiền mua, nói đi rồi nói lại mấy hồi. Đời ‘*c’est la vie*’ mà Sang!” tôi đùa mà lòng quặn đau.

Xếp hàng trước lều nhập trại do Hồng Thập Tự phụ trách có nhân viên người Việt thông dịch, mỗi gia đình điền mẫu ghi tên họ và ngày sinh từng người. Sau đó, mỗi người điền phiếu y tế cá nhân và được y tá người Mỹ “phỏng vấn.” Đến lượt Châu, nàng khai bị bón khiến cô ý tá quan tâm,

“Bà bị bón bao lâu rồi?”

“Vào khoảng mười lăm ngày, hay hơn nữa,” Châu tính từ ngày chúng tôi rời khỏi nhà.

“Mười lăm ngày! Bác sĩ, đến ngay đây,” cô y tá hô hoán.

Mấy phút sau, xe cứu thương nhà binh chớp đèn hụ còi chạy tới. Hai người lính quân y khiêng băng-ca bước xuống và theo lời chỉ dẫn của y tá ra hiệu cho Châu nằm lên. Tôi hoảng hồn, vội vàng kêu Bình theo xe cứu thương để giúp Châu.

Vị bác sĩ già bước lại gần, tấm bảng tên gắn trên ngực áo quàng trắng ghi “*S. Richardson, MD*,” và dòng thứ hai là “*Red Cross Volunteer*” (“*Tình nguyện viên Hồng Thập tự*”). Tôi ra hiệu không cần thông dịch và la lớn,

“Vậy là sao? Tại sao vợ tôi bị đưa đi nơi khác?”

“Bà nhà bị táo bón rất nặng, tôi thấy cần đưa bà sang bệnh xá để thử nghiệm,” bác sĩ Richardson điềm đạm giải thích.

“Chúng tôi không có thức ăn trong hai tuần qua. Vợ tôi không bài tiết vì không có gì trong bụng, không bệnh hoạn gì cả,” tôi cãi.

“Tôi cũng nghĩ thế, nhưng cẩn thận vẫn hơn. Tôi không muốn đánh cuộc với sức khỏe của bà.”

“Khi nào vợ tôi được về trại với chúng tôi?”

“Bà muốn về trại lúc nào cũng được. Nhưng tôi nghĩ bệnh xá sẽ khuyên bà nằm lại đến khi chắc chắn mọi chuyện ổn thỏa. Xin lỗi đã làm ông hoảng sợ, và chúc ông may mắn trong những ngày sắp tới,” bác sĩ đưa tay ra bắt.

Tôi ghen ngào. Nửa tháng trước tôi rời bỏ quê hương yêu dấu để trốn thoát móng vuốt kẻ thù cùng tiếng nói và màu da. Mười lăm ngày bênh bồng trên Thái bình Dương xuôi tay cho số phận đẩy đưa, tôi đã bị bọn người khiếp nhược xua đuổi, hổ thẹn vì đã đánh mất một phần phẩm giá của mình, và bị người thân nuốt lời bỏ rơi. Giờ đây, vừa đặt chân lên vùng đất lạ, tôi cảm nhận được tình người – thứ tình người biểu lộ theo cách chưa từng biết qua. Một người lạ không cùng ngôn ngữ tự nguyện giúp đỡ đồng bào tôi và xin lỗi vì đã săn sóc vợ tôi theo tiêu chuẩn của xã hội văn minh.

Nguyễn Ngọc Hoa

30 Tháng Ba, 2014